TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2019/DS-ST
Ngày: 09/9/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Trân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 593/2018/TLST – DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2019/QĐXX - ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 355/2019/QĐST-HPT ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.
Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà A, 72 B, Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Tầng trệt và tầng lửng cao ốc E, 196 F, phường 08, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Người được ủy quyền: Ông Hồng Quốc T, sinh năm 1968.
Địa chỉ liên lạc:Tầng trệt và tầng lửng cao ốc E, 196 F, phường 08, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền số 47/2018/EIBQ4/UQ-GĐ ngày 17/9/2018)
(Có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị Bạch L, sinh năm 1946
HKTT: 328/20B H, phường 4, Quận G, TP. Hồ Chí Minh.
(Tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Nhật Q, sinh năm 1981
HKTT: 328/20B H, phường 4, Quận G, TP. Hồ Chí Minh
(Tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2018 của Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng Ek) và các các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện ủy quyền là ông Hồng Quốc T trình bày:

1. Bà Lê Thị Bạch L đã được Ngân hàng A (Viết tắt là Ngân hàng Ek)- chi nhánh Quận G xét cấp tín chấp 01 thẻ tín dụng Visa hạn mức: 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058;

Số tiền bà Lê Thị Bạch L đã trả nợ từ khi mở thẻ đến 02/5/2018 (48 tháng) là 140.978.324 đồng. Trong đó, nợ gốc 114.097.048 đồng, lãi: 20.278.280 đồng, phí thường niên và SMS: 6.602.996 đồng.

2. Bà Lê Thị Bạch L đã được Ngân hàng A cấp tín dụng theo 02 hợp đồng cụ thể sau:,

- Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013:

+ Số tiền vay: 300.000.000 đồng

+ Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng cá nhân;

+ Thực hiện cấp vốn 01 lần

+ Phương thức giải ngân và rút vốn: Tiền mặt.

+ Kỳ hạn trả nợ: 120 tháng (mỗi tháng trả nợ 01 lần) kể từ ngày nhận vốn vay.

+ Lãi suất cho vay: 8%/năm, cố định trong 06 tháng. Sau đó lãi suất thay đổi 01 tháng 1 lần, áp dụng theo LSTK 12 tháng lãi cuối kỳ +0,6%/năm do EIB phát hành tại thời điểm đó.

+Lãi suất nợ quá hạn: 150%/tháng

+Lãi phạt trả chậm:

Số tiền phạt lãi chậm trả	=	Số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) x số ngày chậm trả
		30 (360 nếu lãi suất vay là lãi suất năm)

+ Khoản vay này là tín chấp theo chương trình cho vay CBVC tại Ngân hàng.

+ Số tiền bà Lê Thị Bạch L đã trả nợ của Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013 từ khi vay đến 08/8/2018 là 176.321.109 đồng, trong đó nợ gốc là: 84.015.000 đồng, lãi: 92.306.109 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014:

+ Số tiền vay: 55.000.000 đồng

+ Mục đích sử dụng vốn: tiêu dùng cá nhân;

+ Thực hiện cấp vốn 01 lần

+ Phương thức giải ngân và rút vốn: Tiền mặt.

+ Kỳ hạn trả nợ: 120 tháng (mỗi tháng trả nợ 01 lần) kể từ ngày nhận vốn vay.

+ Lãi suất cho vay: 7%/năm, cố định trong 06 tháng. Sau đó lãi suất thay đổi 01 tháng 1 lần, áp dụng theo LSTK 12 tháng lãi cuối kỳ +0,6%/năm do EIB phát hành tại thời điểm đó.

+Lãi suất nợ quá hạn: 150%/tháng

+Lãi phạt trả chậm:

Số tiền phạt lãi chậm trả	=	Số tiền lãi chậm trả x lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay trong hạn) x số ngày chậm trả
		30 (360 nếu lãi suất vay là lãi suất năm)

+ Khoản vay này là tín chấp theo chương trình cho vay CBVC tại Ngân hàng.

+ Số tiền bà Lê Thị Bạch L đã trả nợ của Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014 từ khi vay đến 08/8/2018 là 31.412.159 đồng, trong đó nợ gốc là: 19.737.000 đồng, lãi: 11.675.159 đồng

Trong quá trình thực hiện các hợp dồng nêu trên bà Lê Thị Bạch L đã vi phạm cam kết thanh toán đã ký với ngân hàng. Khoản nợ thẻ tín dụng quá hạn thanh toán từ ngày 03/5/2018, khoản nợ vay tiêu dùng quá hạn thanh toán từ ngày 14/04/2018. Ngân hàng đã thông báo và liên hệ nhiều lần bà L vẫn chưa trả nợ.

Tính đến ngày 09/9/2019 bà Lê Thị Bạch L còn nợ Ngân hàng A (chi nhánh Quận G) số tiền: 302.318.804 đồng, cụ thể như sau:

STT	Số HĐTD/thẻ	Số khế ước	Nợ gốc	Nợ lãi/phí	Tổng cộng
1	VC664058		5.390.207	4.634.863	10.025.070
2	1402-LAV-201300439	1402-LDS-201300693	215.985.000	45.311.274	261.296.274
3	1402-LAV-201401187	1402-LDS-201402019	35.263.000	7.353.436	42.616.436
	TỔNG		**256.638.207**	**57.299.573**	**313.937.780**

Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Bạch L phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 09/9/2019 là 313.937.780 đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc là: 256.638.207 đồng, nợ lãi/phí là 57.299.573 đồng.

Thời hạn thanh toán: Bà Lê Thị Bạch L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nêu trên một lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê thị Bạch L còn phải trả lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng và phí phát sinh kể từ ngày 10/9/2019 cho đến khi bà L thực trả hết nợ vốn cho Ngân hàng Ek theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014.

Trường hợp bà Lê Thị Bạch L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án.

Trường hợp bà Lê Thị Bạch L không trả nợ hoặc trả không đủ thì buộc ông Vũ Nhật Q có trách nhiệm liên đới trả hết số tiền mà bà L còn nợ cho nguyên đơn theo nội dung các Giấy cam kết mà ông Q đã ký với nguyên đơn.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng A, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị Bạch L và ông Vũ Nhật Q, như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận

và công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Lê Thị Bạch L và ông Vũ Nhật Q không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, không nộp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án lần nào, do đó Tòa án không ghi được lời khai của của bà L và ông Q cũng như không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, đại diện nguyên đơn là ông Hồng Quốc T cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Bị đơn là bà Lê Thị Bạch L, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Nhật Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hồng Quốc T giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Vì thế Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Bạch L và ông Vũ Nhật Q theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058 và các Hợp đồng tín dụng như nguyên đơn trình bày, bà Lê Thị Bạch L đã vi phạm cam kết thanh toán đã ký với nguyên đơn. Các khoản nợ thẻ tín dụng và khoản nợ vay tiêu dùng đã quá hạn thanh toán. Nguyên đơn đã thông báo và liên hệ nhiều lần nhưng bà L vẫn chưa trả nợ. Hiện tại nợ của bà Lê Thị Bạch L thuộc nhóm nợ xấu, cần phải thu hồi nợ trước hạn. Do bà Lê Thị Bạch L vi phạm nghĩa vụ, thời hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Xét, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Bạch L có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ phát sinh từ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058 và các Hợp đồng tín dụng với mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng cá nhân, như vậy đây là vụ án dân sự; Bà Lê Thị Bạch L có nơi cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Lê Thị Bạch L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Nhật Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên

quan theo thủ tục chung.

Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng A xuất trình là bản chính Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058, và Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013, Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014 có chữ ký của bà Lê Thị Bạch L và bản chính các Giấy cam kết có chữ ký của ông Q có cơ sở xác định bà Lê Thị Bạch L có ký kết Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058 và các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để vay tiền và ông Q có cam kết bảo đảm khoản nợ vay của bà L đúng như nguyên đơn trình bày. Việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058 bà L đã thanh toán cho Ngân hàng từ khi mở thẻ đến ngày 02/5/2018 (48 tháng) là 140.978.324 đồng; đối với Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013 từ khi vay cho đến ngày 08/8/2018 bà L đã thanh toán được 176.321.109 đồng; đối với Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014 từ khi vay cho đến ngày 08/8/2018 bà L đã thanh toán được 31.412.159 đồng. Kể từ ngày 09/8/2018 trở đi, bà Lê Thị Bạch L không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản nào nữa. Ngân hàng đã nhắc nợ nhiều lần nhưng bà Liên vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn. Khoản nợ thẻ tín dụng quá hạn thanh toán từ ngày 03/5/2018; khoản nợ vay tiêu dùng quá hạn thanh toán từ ngày 14/4/2018. Như vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay và lãi hàng tháng mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 4 của Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058, Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014 mà các bên đã ký kết. Cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Liên thanh toán toàn bộ số tiền nợ với thời hạn trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, khi bà Lê Thị Bạch L ký kết các hợp đồng nêu trên với nguyên đơn để vay tiền mục đích tiêu dùng thì ông Vũ Nhật Q có ký các Giấy cam kết với nội dung bảo đảm thanh toán các khoản nợ vay của bà L trong trường hợp bà L không trả nợ hoặc trả không đủ cho nguyên đơn. Cho nên yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bà Lê Thị Bạch L không trả nợ hoặc trả không đủ thì buộc ông Vũ Nhật Q có trách nhiệm liên đới trả hết số tiền mà bà L còn nợ cho nguyên đơn theo nội dung các Giấy cam kết mà ông Q đã ký với nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 290, Điều 471, Điều và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

-Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A.

Buộc bà Lê Thị Bạch L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ phát sinh từ:

- Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, số thẻ tín dụng VC664058 tính đến ngày 09/9/2019 là 10.025.070 đồng (trong đó bao gồm: nợ gốc là 5.390.207 đồng, nợ lãi và phí là 4.634.863 đồng)
- Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013 tính đến ngày 09/9/2019 là 261.296.274 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc là 215.985.000 đồng, nợ lãi và phí là 45.311.274 đồng)
- Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014 tính đến ngày 09/9/2019 là 42.616.436 đồng (trong đó bao gồm: Nợ gốc là 35.263.000 đồng, nợ lãi và phí là 7.353.436 đồng)

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 10/9/2019 trở đi bà Lê Thị Bạch L còn phải trả lãi tiếp tục phát sinh và phí phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 29/5/2014, Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201300439 ngày 20/5/2013 và Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201401187 ngày 25/9/2014 cho đến khi bà Liên thực trả hết nợ vốn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam.

Trường hợp bà Lê Thị Bạch L không trả nợ hoặc trả không đủ thì buộc ông Vũ Nhật Q có trách nhiệm liên đới trả hết số tiền mà bà L còn nợ cho nguyên đơn theo nội dung các Giấy cam kết mà ông Q đã ký với Ngân hàng A.

Trường hợp bà Lê Thị Bạch L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn được quyền có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Bạch L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.696.889 (Mười lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 6.713.000 (Sáu triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng cho Ngân hàng A đã nộp theo biên lai số AG/2014/0009634 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân và quyền kháng cáo của các đương sự:

Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 có quyền kháng nghị, Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Lê Thị Bạch L và ông Vũ Nhật Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Bảo Trân

ỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

ội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân**
hẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;

TM. HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TOÀ

Võ Thị Bảo Trân

- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**